

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/DS-ST
Ngày 23 tháng 7 năm 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH P**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán*: Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Việt Giang.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Thủy và ông Nguyễn Duy Tính.
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P tham gia phiên toà*: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Khu T, xã C, huyện L, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Quang C, sinh năm 1978

HKTT: Khu 2, xã H, thị xã P, tỉnh P.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 20, Khu C, phường Mi, thành phố V, tỉnh P. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1961. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 15 (nay là khu 10), xã V, huyện L, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Quang C trình bày:

Ngày 04/4/2019 Anh H có cho anh Trần Văn T ở khu 15 (nay là khu 10), xã V, huyện L, tỉnh P vay số tiền 80.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất theo thỏa thuận (thỏa thuận miệng là 1.5%/01 tháng). Đến hạn anh T không trả gốc và lãi

cho anh H theo thỏa thuận. Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả anh H số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 04/5/2019 đến nay theo lãi suất là 0,83%/01 tháng.

Tại đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Mạnh H trình bày:

Ngày 04/4/2019 anh H có cho anh Trần Văn T ở khu 15, xã V, huyện L, tỉnh P vay số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Khi vay anh T có viết giấy vay tiền và ký tên. Hai bên thống nhất thỏa thuận lãi suất là 1,5%/01 tháng. Anh T hẹn 30 ngày sẽ trả toàn bộ gốc và lãi theo thỏa thuận. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh T trả tiền gốc và lãi cho anh nhưng anh T không trả. Nay anh đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho anh toàn bộ số tiền gốc 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và lãi theo thỏa thuận. Anh cho anh T vay 1 lần với số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Anh T chưa trả cho anh tiền gốc cũng như tiền lãi lần nào. Anh chỉ biết cho anh T vay tiền còn mục đích anh T vay tiền sử dụng vào việc gì anh không biết. Anh không đánh đề hộ anh T. Việc anh T khai như vậy không đúng. Anh đã ủy quyền cho anh Phạm Quang C nên anh đề nghị được vắng mặt không tham gia các phiên họp và phiên tòa xét xử vụ án trên.

Ý kiến của bị đơn:

Tại các lời khai, biên bản hòa giải tại tòa án và tại phiên tòa anh Trần Văn T trình bày:

Anh và H trước là hàng xóm láng giềng với nhau, có biết nhau. Sau đó anh H có mở dịch vụ cầm đồ và cho vay tiền. Tháng 4 năm 2018 anh T có đánh đề chỗ anh H có lúc được có lúc không, nhưng thua là chính nên anh bị hết tiền. Anh đã hỏi vay anh H 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Khoảng 01 đến 02 tháng sau anh T lại đến vay của anh H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) vẫn với lãi suất 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày. Tổng số tiền anh vay anh H là 25.000.000đ. Trong Thời gian từ tháng 04/2018 đến hết tháng 3/2019 anh đã trả lãi đầy đủ số tiền lãi cho anh H với lãi suất là 3.000đ/1.000.000đ/01 ngày trên tổng số tiền gốc là 25.000.000đ. Vào ngày 04/4/2019 anh đánh đề lại thua nên đã đến vay anh H thêm 55.000.000đ và anh H có nói tổng số tiền vay là 80.000.000đ và anh H chỉ tính lãi suất trên số tiền này là 2.500đ/1 triệu/01 ngày. Và anh H có yêu cầu tôi ký và tôi đã ký vào giấy vay tiền như anh H cung cấp cho Tòa án. Từ ngày 04/04/2019 đến ngày 04/10/2019 vào mùng 04 hàng tháng, anh trả tiền lãi cho anh Hòa là 6.000.000đ/ 01 tháng (Có một tháng anh H bớt cho anh được 500.000đ). Tổng số tiền lãi anh đã trả cho anh H là 41.500.000đ (Bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng). Khi trả tiền lãi anh chỉ đưa tiền cho anh H mà hai bên không viết giấy tờ gì với nhau. Nay quan điểm của anh T là anh nhất trí trả số tiền gốc và anh không đồng ý trả lãi đối với số tiền trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử,

Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H. Buộc anh Trần Văn T phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 0,83%/tháng kể từ ngày 04/5/2019 đến nay.

Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H yêu cầu anh Trần Văn T, có HKTT tại Khu 15, xã V, huyện L, tỉnh P trả số tiền gốc và lãi theo "giấy vay tiền" ngày 04/4/2019. Do đó xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về hợp đồng vay nợ: Anh Trần Văn T có thực hiện giao dịch vay tiền vào ngày 04/4/2019, thể hiện tại "giấy vay tiền" bản gốc mà anh H đã cung cấp cho Tòa án. Theo nội dung giấy vay tiền hai bên đã lập thì anh Hòa là người cho vay và anh T là người vay tiền. Giấy vay tiền có chữ ký của anh T, nội dung giấy vay tiền thể hiện anh T vay của anh H số tiền là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng). Quá trình giải quyết vụ án anh T xác nhận anh có vay tiền của anh H nhiều lần, sau khi vay tiền thì anh nhờ anh H đánh đề hộ và thua hết, tổng số tiền anh vay của anh H là 80.000.000đ, khi chốt số tiền vay thì anh T xác định anh tự viết và ký vào giấy vay tiền ngày 04/4/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì về việc nhờ anh H đánh đề hộ và anh H cũng khẳng định anh chỉ cho anh Tuyến vay tiền còn anh không đánh đề hộ anh Tuyến. Nay anh H khởi kiện yêu cầu anh T phải trả số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) thì anh T nhất trí trả số tiền gốc nhưng anh không đồng ý trả lãi đối với số tiền trên. Xét yêu cầu khởi kiện của anh H, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay nợ giữa anh H và anh T là đúng, thể hiện tại giấy vay tiền bản gốc mà anh H đã cung cấp cho tòa án và sự thừa nhận của các đương sự. Vì vậy cần buộc anh T phải trả cho anh H số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Anh H và người đại diện theo ủy quyền của anh H xác định từ ngày vay đến nay anh T không trả lãi cho anh H theo thỏa thuận miệng là

1,5%/tháng. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) từ ngày 04/5/2019 đến nay theo qui định là 0,83%/tháng. Bị đơn anh T xác định khi vay hai bên thống nhất lãi suất thỏa thuận miệng là 2.500đ/1 triệu/01 ngày và anh đã trả lãi cho anh H nhiều lần tổng số tiền lãi anh đã trả là 41.500.000đ (Bốn mươi một triệu năm trăm nghìn đồng), những lần trả lãi anh đưa tiền cho anh H và không viết giấy tờ gì nên anh T không cung cấp cho tòa án được. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các lời khai các bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi vào giấy vay tiền, như vậy việc vay nợ giữa anh H và anh T có thỏa thuận về lãi suất nhưng các bên không thống nhất được lãi suất đã thỏa thuận. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 80.000.000đ theo qui định là 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 468, Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng với số tiền 80.000.000đ và thời điểm tính lãi từ 04/5/2019 đến nay. Cụ thể từ ngày 04/5/2019 đến ngày xét xử là ngày 23/7/2020 là 14 tháng 19 ngày. Cụ thể: $(80.000.000đ \times 0,83\%) \times 14 \text{ tháng } 19 \text{ ngày} = 9.716.500đ$ (Chín triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng).

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu anh T phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi làm một lần. Anh T không có ý kiến gì về phương thức và thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc anh T phải trả một lần toàn bộ số tiền gốc và tiền lãi cho anh H là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H được chấp nhận nên anh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Trần Văn T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Mạnh H. Buộc anh Trần Văn T phải trả cho anh Nguyễn Mạnh H số tiền gốc là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 9.716.500đ (Chín triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là: 89.716.500 (Tám mươi chín triệu bảy trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng). Trả làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Trần Văn T phải nộp số tiền 4.485.000đ (Bốn triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Nguyễn Mạnh H số tiền 2.120.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002783 ngày 05/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

3. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh P;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Việt Giang